TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS- ST
Ngày: 15-01-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L,TỈNH L

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Nga

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lý Chí Sung

2. Ông Lưu Quang Vinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố L tham gia phiên toà: Bà Đồng Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 07/9/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/ QĐST-DS ngày 29/9/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/ QĐST-DS ngày 17/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/ QĐST-DS ngày 30/10/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2023/ QĐST-DS ngày 28/11/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 11/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-DS ngày 29/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-DS ngày 13/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-DS ngày 23/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-DS ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Hoàng Bá Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Vân Nội, xã Hồng Tiến, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Công ty luật hợp danh Thiên Nam (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/6/2023).

Địa chỉ: Số 5, ngõ 165/2 phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ M Tiến – Chức vụ: Giám đốc Công ty luật hợp danh Thiên Nam.

Người đại diên theo ủy quyền: Ông Lê Trọng M, sinh năm 1993 – Luật sư thuộc Công ty luật hợp danh Thiên Nam – Đ luật sư thành phố Hà Nội (Theo Quyết định số: 29/2023/QĐ/UQ-LTN vê việc phân công luật sư tham gia đại diện ủy quyền ngày 20/6/2023), (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* ông Trần Văn K, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 03, phường Đ Kết, thành phố L, tỉnh L (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị Hòa - Luật sư thuộc Đ Luật sư tỉnh L (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà 104, đường Bế Văn Đàn, phường Quyết Tiến, thành phố L, tỉnh L (có mặt).

+ Chị Trần Thị N, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ 3, phường Đ Kết, thành phố L, tỉnh L (có mặt).

- *Những người làm chứng:*

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 003, ngõ 223, tổ 6, phường Đ Kết, thành phố L, tỉnh L (có mặt).

+ Ông Nguyễn Đ O, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 3, phường Đ Kết, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt).

+ Ông Lại Văn Đ, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà 106, đường Chu Văn An, phường Đ Kết, thành phố L, tỉnh L (có mặt).

+ Anh Trần Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Đ Kết, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt).

+ Anh Dương Đăng T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 081, đường Chu Văn An, phường Đ Kết, thành phố L, tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Trọng M trình bày:***

Do có quen biết với ông Trần Văn K, nên trong thời gian anh Hoàng Bá Đ sinh sống và làm việc tại thành phố L, tỉnh L và anh có ở nhờ nhà bố vợ là ông Dương Văn Đ, anh Đ đã nhiều lần cho ông Trần Văn K vay tiền mặt tại nhà ông Đ, cụ thể: Lần 1: Ngày 05/12/2018 cho vay số tiền 30.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 24/12/2018 cho vay số tiền 20.000.000 đồng; Lần 3: Ngày 18/01/2019 cho vay số tiền 50.000.000 đồng; Lần 4: Ngày 23/3/2019 cho vay số tiền 50.000.000 đồng; Lần 5: Ngày 13/4/2019 cho vay số tiền 50.000.000 đồng; Lần 6: Ngày 17/5/2019 cho vay số tiền 50.000.000 đồng; Lần 7: Ngày 19/7/2019 cho vay số tiền 50.000.000 đồng; Lần 8: Ngày 27/8/2019 cho vay số tiền 50.000.000 đồng; Lần 9: Ngày 05/9/2019 cho vay số tiền 50.000.000 đồng ; Lần 10: Ngày 05/12/2019 cho vay số tiền 70.000.000 đồng. Tổng số tiền anh Đ cho ông Trần Văn K vay là 470.000.000 đồng. Khi anh Đ cho ông K vay tiền thì không có thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất vay mà chỉ thoả thuận ngoài với nhau bằng lời nói là phải trả lãi suất. Tuy nhiên trong thời gian vay, ông K không trả nợ gốc và lãi cho anh Đ, mỗi lần anh Đ đòi tiền, ông K lại khất lần và có nguyện vọng vay tiếp và hứa với anh Đ sẽ trả đủ cả gốc và lãi cho cả số tiền đã vay trước đó. Do tin tưởng ông K và mong muốn ông K trả hết tiền nên anh Đ cho ông K vay thêm các khoản tiền mới. Đến nay mặc dù ông K có điều kiện kinh tế, mua nhà đất nhưng cố tình trốn tránh không nghe điện thoại và không gặp anh Đ để thanh toán các khoản nợ.

Do đó, anh Hoàng Bá Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn K phải trả cho anh Hoàng Bá Đ số tiền nợ gốc và lãi suất, cụ thể:

1. Ngày 05/12/2018 cho vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 48 tháng, 09 ngày. Tổng gốc và lãi là: 30.000.000 đồng + 24.150.000 đồng = 54.150.000 đồng.

2. Ngày 24/12/2018 ông K vay của tôi số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 48 tháng. Tổng gốc và lãi là: 20.000.000 đồng + 16.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

3. Ngày 18/01/2019 ông K vay của tôi số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 47 tháng 6 ngày. Tổng gốc và lãi là: 50.000.000 đồng + 39.333.000 đồng = 89.333.000 đồng.

4. Ngày 23/3/2019 ông K vay của tôi số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 45 tháng 01 ngày. Tổng gốc và lãi là: 50.000.000 đồng + 37.528.000 đồng = 87.528.000 đồng.

5. Ngày 13/4/2019 ông K vay của tôi số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 44 tháng 11 ngày. Tổng gốc và lãi là: 50.000.000 đồng + 36.972.000 đồng = 86.972.000 đồng.

6. Ngày 17/5/2019 ông K vay của tôi số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 43 tháng 7 ngày. Tổng gốc và lãi là: 50.000.000 đồng + 36.027.000 đồng = 86.027.000 đồng.

7. Ngày 19/7/2019 ông K vay của tôi số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 41 tháng 5 ngày. Tổng gốc và lãi là: 50.000.000 đồng + 34.305.000 đồng = 84.305.000 đồng.

8. Ngày 27/8/2019 ông K vay của tôi số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 39 tháng 27 ngày. Tổng gốc và lãi là: 50.000.000 đồng + 33.250.000 đồng = 83.250.000 đồng.

9. Ngày 05/9/2019 ông K vay của tôi số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 39 tháng 19 ngày. Tổng gốc và lãi là: 50.000.000 đồng + 33.027.000 đồng = 83.027.000 đồng.

10. Ngày 05/12/2019 ông K vay của tôi số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 24/12/2022 là 36 tháng 19 ngày. Tổng gốc và lãi là: 70.000.000 đồng + 42.738.000 đồng = 112.738.000 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ yêu cầu bị đơn ông Trần Văn K phải trả cho anh Hoàng Bá Đ tổng số tiền là 825.336.000 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm (tạm tính đến ngày 20/3/2023) là 355.336.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 26/9/2023 và tại phiên tòa ngày 28/11/2023, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất từ yêu cầu thanh toán tiền lãi suất 20%/năm tính từ thời điểm cho vay đến ngày 20/3/2023 thành yêu cầu lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 07/4/2023.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Trần Văn K phải trả cho nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ số tiền nợ gốc 470.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 10%/năm, tính từ ngày 07/4/2023 đến ngày xét xử 15/01/2025, tương ứng 470.000.000 đồng x 21 tháng 08 ngày x 10%/năm = 82.797.260 đồng. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 552.797.260 đồng.

**** Lời khai của bị đơn ông Trần Văn K trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông K trình bày:***

Ông không biết anh Hoàng Bá Đ và không vay tiền của anh Hoàng Bá Đ mà ông chơi lô đề với ông Dương Văn Đ (là bố vợ của anh Đ) và nợ tiền ông Đ, nên ông Đ đưa sổ cho ông và bảo ông viết giấy vay tiền với anh Đ và ông là người viết và ký những giấy vay tiền anh Hoàng Bá Đ, chứ thực tế ông không vay tiền của anh Đ, nên ông không có nghĩa vụ phải trả cho anh Đ.

Vì vậy, anh Hoàng Bá Đ yêu cầu ông phải trả cho anh Đ số tiền nợ gốc 470.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 10%/năm, tính từ ngày 07/4/2023 đến ngày xét xử 15/01/2025, tương ứng 470.000.000 đồng x 21 tháng 08 ngày x 10%/năm = 82.797.260 đồng. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 552.797.260 đồng là ông không nhất trí.

**** Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Đ trình bày:***

Việc anh Đ con rể của ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 470.000.000 đồng ông không biết. Sau khi anh Đ con rể của ông cho ông K vay tiền thì anh Đ có bảo với ông là "Con cho ông K vay số tiền 470.000.000 đồng, con có đi đòi nhiều lần nhưng ông K không trả" và anh Đ có nhờ ông đi đòi hộ, vì anh Đ không làm ăn ở L nữa mà chuyển về quê ở huyện K, tỉnh Hưng Yên làm ăn, ông có đến nhà vợ chồng ông K để đòi hộ cho anh Đ nhiều lần nhưng ông K cũng không trả và ông có nhắn tin cho bà N vợ ông K để đòi hộ anh Đ số tiền mà ông K nợ anh Đ, có lần ông có rủ con trai ông đi cùng đến nhà vợ chồng ông K đòi tiền chứ không có việc đe dọa vợ chồng ông K. Còn việc ông K bảo chơi lô đề với ông là hoàn toàn vu khống, vì ông chưa bao giờ ghi lô đề mà công việc chính của ông là bán cửa hàng sắt ở huyện Phong Thổ, tỉnh L. Còn nếu ông K cho rằng chơi lô đề với ông và có nợ tiền ông, và ông bảo ông K viết giấy vay tiền với anh Đ thì ông K phải có tài liệu, chứng cứ chứng M.

**** Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N trình bày:***

Việc ông Trần Văn K chồng bà vay số tiền 470.000.000 đồng của ông Hoàng Bá Đ bà không biết và bà không liên quan, số tiền này ông K cũng không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Bà chỉ biết ông K có chơi lô đề với ông Đ, còn có nợ tiền ghi lô đề hay không thì bà không biết. Bà không vay tiền của ông Đ nên bà không có trách nhiệm phải trả cho ông Đ, còn ông K có vay tiền của ông Đ như T nào thì bà không biết. Ông Đ còn đưa một số người vào nhà bà và đe dọa bắt vợ chồng bà trả tiền, nhưng bà không trả vì bà không vay mượn tiền của ông Đ.

**** Lời khai của người làm chứng bà Trần Thị T trình bày:***

Ông Trần Văn K là em rể của bà, bà không có quan hệ gì với ông Dương Văn Đ mà chỉ quen biết với vợ của ông Đ. Việc ông K chơi lô đề với ông Đ vào ngày tháng nào bà không nhớ, chỉ biết diễn ra vào năm 2017, ông K chơi lô đề với ông Đ bằng hình thức nhắn tin qua điện thoại, số điện thoại cũ của ông K 0983.825.101, bà biết việc ông K chơi lô đề với ông Đ, nhưng bà chưa được chứng kiến lần nào và bà cũng không có tài liệu chứng cứ gì về việc ông K và ông Đ ghi lô đề với nhau.

**** Lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Đ O tại phiên tòa ngày 28/11/2023 ông O trình bày:***

Ông là hàng xóm với anh Trần Văn K, tuy nhiên việc gì đúng là đúng, hợp đồng vay tiền phải có vợ chồng cùng ký, điều này là mâu thuẫn. Về phía ông Đ ông

đã Kyên răn để đảm bảo an ninh trật tự ông bảo ông Đ cho quân về đi, tiền này không phải tiền vay của anh K, chị N vay để làm ăn kinh dO, đây là tiền bất hợp pháp vì chị N không ký vay và ông có được chứng kiến ông Đ đưa người đến nòi nợ anh K khoảng 5, 6 lần.

**** Lời khai của người làm chứng ông Lại Văn Đ trình bày:***

Ông có biết việc ông Dương Văn Đ nhiều lần đưa người đến đòi tiền ông K, gây mất an ninh, tất cả những lần ông Đ đến đòi tiền thì ông K, bà N đều nói là tiền cờ bạc.

**** Lời khai của người làm chứng anh Trần Văn T tại phiên tòa ngày 28/11/2023 anh T trình bày:***

Anh có được chứng kiến việc ông Đ 2 lần đưa người đến nòi nợ anh K, anh có quen biết một số anh em và anh có nghe nói đây là tiền cờ bạc, chúng nó lấy tiền công của ông Đ 10.000.000 đồng và anh có nói với mấy anh em đây là tiền vay cờ bạc nên họ đi về, những người đến đòi nợ cùng ông Đ hiện nay họ không còn ở đây.

**** Lời khai của người làm chứng anh Dương Đăng T trình bày:***

Anh có được chứng kiến việc ông ông Đ đưa người đến đòi nợ, có người bảo đây là tiền lô đề cờ bạc không đòi được. Anh có nghe anh K nói đây là tiền lô đề chứ không phải tiền vay.

* Tại phiên tòa ngày 28/11/2023, Tòa án đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐXXST-DS để xác M thu thập chứng cứ và chuyển nội dung vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh L để xác M làm rõ có hay không có hành vi đánh bạc giữa ông Dương Văn Đ và ông Trần Văn K và hành vi đe dọa dùng vũ lực hay uy hiếp tinh thần của ông Dương Văn Đ đối với gia đình ông K hay không.

**** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lời ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:***

Đối với việc nguyên đơn ông Hoàng Bá Đ yêu cầu bị đơn ông Trần Văn K phải trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng và lãi suất, tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 552.797.260 đồng là hoàn toàn không có căn cứ bởi lẽ: Thứ nhất: Ông K không biết ông Đ là ai, chỉ sau này ông Đ đứng tên khởi kiện, ông K mới biết ông Đ là con rể của ông Đ, những lần viết giấy vay tiền đều do ông Đ ép viết do nợ tiền đánh lô đề với ông Đ; Thứ hai: Xét trên thực tế, nếu có khoản vay đầu tiên ngày 05/12/2018, nếu ông Đ đòi tiền mà ông K không trả thì ông K đã mất lòng tin với ông Đ ngay từ khi ông K không trả nợ lần đầu tiên. Vậy ông Đ đã không đòi được tiền đã mất lòng tin mà còn tiếp tục cho vay những 09 lần tiếp theo, tổng cộng là 10 lần, như vậy là rất phi thực tế. Do đó, không có việc ông Đ cho ông K vay 10 lần tiền với tổng số tiền 470.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền qua 10 lần là hợp đồng giả tạo và bị cưỡng ép. Các hợp đồng vay tiền đều vô hiệu.

Từ những phân tích ở trên, người bảo vệ quyền và lời ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 124, 127, khoản 1 Điều 131 Bộ luật dân sự không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Bá Đ về việc buộc bị đơn ông Trần Văn K phải trả số tiền gốc 470.000.000 đồng và lãi suất, tổng cả gốc và lãi là 552.797.260 đồng.

* Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công, tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Tòa án tạm ngừng phiên tòa, chuyển nội dung vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L để xác M làm rõ là đúng quy định tại Điều 235, 259 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 18 Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 70,73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 229, 244, 271, 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất từ yêu cầu thanh toán tiền lãi suất 20%/năm tính từ thời điểm cho vay đến ngày 20/3/2023 thành yêu cầu lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 07/4/2023 đến ngày xét xử.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ.

Buộc bị đơn ông Trần Văn K phải có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Bá Đ tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 552.797.260 đồng. Trong đó tiền gốc là 470.000.000 đồng và tiền lãi 82.797.260 đồng.

- Về án phí: Bị đơn ông Trần Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ và Bị đơn ông Trần Văn K cư trú tại tổ 3, phường Đ Kết, thành phố L, tỉnh L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người đại diện cho Nguyên đơn ông Lê Trọng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng ông Nguyễn Đ O, ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, những người làm chứng.

Tại bản tự khai ngày 26/9/2023 và tại phiên tòa ngày 28/11/2023 nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất từ yêu cầu thanh toán tiền lãi suất 20%/năm tính từ thời điểm cho vay đến ngày 20/3/2023 thành yêu cầu lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 07/4/2023 đến ngày xét xử. Xét thấy việc nguyên đơn đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản giữa các bên:

[3.1] Xét giấy vay tiền:

Lần 1: Ngày 05/12/2018 có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 30.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 24/12/2018 có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 20.000.000 đồng; Lần 3: Ngày 18/01/2019 có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 50.000.000 đồng; Lần 4: Ngày 23/3/2019 có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 50.000.000 đồng; Lần 5: Ngày 13/4/2019 có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 50.000.000 đồng; Lần 6: Ngày 17/5/2019 có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 50.000.000 đồng; Lần 7: Ngày 19/7/2019

có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 50.000.000 đồng; Lần 8: Ngày 27/8/2019 có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 50.000.000 đồng; Lần 9: Ngày 05/9/2019 có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 50.000.000 đồng; Lần 10: Ngày 05/12/2019 có thể hiện nội dung: ông K có vay số tiền của anh Hoàng Bá Đ 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, các giấy vay tiền trên đều thể hiện nội dung: Bên vay ông Trần Văn K có vay tiền của anh Hoàng Bá Đ và trên các giấy vay tiền ông K đều là người ký tên vào giấy vay tiền, khi tham gia giao dịch ông K đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái Đ Đ xã hội, hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông K đều thừa nhận chữ ký và chữ viết tại các giấy vay tiền đều là chữ ký, chữ viết của ông K. Do đó, xác định việc anh Đ có cho ông K vay tiền là đúng. Mặc dù ông K cho rằng ông không vay tiền của anh Đ mà chỉ nợ tiền chơi lô đề của ông Đ. Vì vậy, tại phiên tòa ngày 28/11/2023, Tòa án đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa và chuyển nội dung vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L để xác M làm rõ có hay không có hành vi đánh bạc giữa ông Dương Văn Đ và Trần Văn K hay không. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả giải quyết nguồn tin tội phạm của Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L xác định không có sự việc phạm tội Đánh bạc giữa ông Trần Văn K và ông Dương Văn Đ. Hơn nữa, ông K không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng M, như vậy lời khai của ông K về việc ông nợ tiền chơi lô đề với ông Đ là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ và buộc bị đơn ông Trần Văn K phải trả cho anh Hoàng Bá Đ số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng.

[3.2] Về lãi suất:

Xét yêu cầu tính lãi của anh Đ đối với số tiền cho ông K vay 470.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất vay và anh Đ có yêu cầu ông K trả lãi suất 10%/năm. Do đó xác định đây là quan hệ dân sự vay tài sản không kỳ hạn, không lãi suất.

Theo quy định khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác". Tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: "Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất

theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

Về xác định thời gian chậm trả, điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm. "Thời gian hợp lý" quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo".

Trong vụ án này, ngày 24/12/2022, anh Đ có thông báo đòi ông K trả toàn bộ số tiền 470.000.000 đồng và tiền lãi. Nội dung thông báo nêu rõ trong thời hạn 7 ngày từ ngày nhận được thông báo ông K phải trả tiền gốc và lãi cho anh Đ. Ngày 30/12/2022, ông K nhận được thông báo, như vậy theo thông báo anh Đ yêu cầu ông K phải trả tiền cho anh Đ trước ngày 07/01/2023. Do đó căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xác định thời gian ông K chậm trả được tính từ ngày 07/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/01/2025 là 21 tháng 08 ngày.

Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, ông K phải trả cho anh Hoàng Bá Đ số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn = 470.000.000 đồng x 21 tháng 08 ngày x 10%/năm = 82.797.260 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử 15/01/2025 ông K phải trả cho anh Hoàng Bá Đ là 552.797.260 đồng.

[4] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Đ, bà Trần Thị N không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Trần Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ số tiền 18.380.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích pháp cho bị đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 và Điều 483 của Bộ luật

tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ.

Buộc bị đơn ông Trần Văn K phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 552.797.260 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm lăm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng)*. Trong đó tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi triệu đồng)* và tiền lãi 82.797.260 đồng đồng. *(Bằng chữ: Tám mươi hai triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

[2] Về án phí: Buộc ông Trần Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 26.111.890 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu một trăm mười một nghìn tám trăm chín mươi đồng)*. Hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Hoàng Bá Đ số tiền 18.380.000 đồng *(Bằng chữ: Mười tám triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001617 ngày 10/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**